



TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

- 1. Họ và tên thường dùng: NGUYỄN NGỌC HÀ
- 2. Họ và tên khai sinh: NGUYỄN NGỌC HÀ
- 3. Ngày, tháng, năm sinh: 14/5/1972;
- 4. Giới tính: Nam;
- 5. Quốc tịch: Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác;
- 6. Nơi đăng ký khai sinh: Xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An);
- 7. Quê quán: Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An;
- 8. Nơi đăng ký thường trú: Xóm 5 Hưng Chính, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An;
Nơi ở hiện nay: Xóm 5 Hưng Chính, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An;
- 9. Số Căn cước: 040xxxxxx888; Ngày cấp: 23/01/2021; Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;
- 10. Dân tộc: Kinh;
- 11. Tôn giáo: Không;
- 12. Trình độ:
 - Giáo dục phổ thông: 12/12 phổ thông;
 - Chuyên môn, nghiệp vụ: Đại học, chuyên ngành Chỉ huy - Tham mưu Binh chủng hợp thành;
 - Học vị: Không; Học hàm: Không;
 - Lý luận chính trị: Cao cấp;
 - Ngoại ngữ: Không;
- 13. Nghề nghiệp hiện nay: Bộ đội;
- 14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 4;
- 15. Nơi công tác: Quân khu 4, Bộ Quốc phòng;
- 16. Ngày vào Đảng: 09/11/1992; Ngày chính thức: 09/11/1993; Số thẻ đảng viên: 040xxxxxx888;
- Chức vụ trong Đảng: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Quân khu 4;
- Ngày ra khỏi Đảng: Không; Lý do ra khỏi Đảng: Không;
- 17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: Không;
- 18. Tình trạng sức khỏe: Tốt;
- 19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: Huân chương Tự do hạng Nhì của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Việt Nam; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- 20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không bị kỷ luật, không có án tích;
- 21. Là đại biểu Quốc hội: Không;
- 22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân: Không;

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian | Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể) |
|------------------------------------|---|
| Từ tháng 3/1991 đến tháng 02/1993 | Chiến sĩ Tiểu đoàn 3, Chiến sĩ Kho K55, Cục Hậu cần, Quân khu 4; |
| Từ tháng 3/1993 đến tháng 12/1993 | Học viên đào tạo Trợ lý huyện, Trường quân sự Quân khu 4; |
| Từ tháng 01/1994 đến tháng 7/1996 | Trợ lý Quân lực, Ban Chỉ huy Quân sự (CHQS) huyện Phú Lộc, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế, Quân khu 4; Học viên Trường Quân sự Quân khu 4, chuyển loại Trung đội trưởng Bộ binh (tháng 3-6/1995); Học viên Trường Sĩ quan Lục quân 1, hoàn thiện Sĩ quan phân đội (9/1995 - 7/1996); |
| Từ tháng 8/1996 đến tháng 8/1997 | Trung đội trưởng, Đại đội 10, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 335, Sư đoàn 324, Quân khu 4; |
| Từ tháng 9/1997 đến tháng 10/2001 | Phó Bí thư Chi bộ (từ tháng 01/2000), Ủy viên BCH Chi bộ (từ tháng 02/1998); Phụ trách Phó Đại đội trưởng, Phó Đại đội trưởng, Đại đội trưởng, Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 1, Sư đoàn 324, Quân khu 4; |
| Từ tháng 11/2001 đến tháng 7/2003 | Trợ lý Tác huấn, Ban Tham mưu, Trung đoàn 1, Sư đoàn 324, Quân khu 4; |
| Từ tháng 8/2003 đến tháng 9/2005 | Trợ lý Tác huấn, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 324, Quân khu 4; |
| Từ tháng 10/2005 đến tháng 8/2007 | Phó Bí thư Đảng ủy, Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 335, Sư đoàn 324, Quân khu 4; |
| Từ tháng 9/2007 đến tháng 3/2009 | Học viên Học viện Lục quân, đào tạo chỉ huy - tham mưu cấp e, f; Chờ công tác tại Trạm khách T50, Bộ Tham mưu, Quân khu 4 (tháng 02-3/2009); |
| Từ tháng 4/2009 đến tháng 12/2009 | Trợ lý Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 01/2010 đến tháng 9/2012 | Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng Ban Tác huấn, Phòng Tham mưu, Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2013 | Ủy viên BCH Đảng ủy quân sự thị xã, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng, Ban CHQS thị xã Cửa Lò, Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 12/2013 đến tháng 7/2016 | Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Quỳnh Lưu, Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 8/2016 đến tháng 10/2016 | Ủy viên BCH Đảng ủy quân sự tỉnh, Phó Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 11/2016 đến tháng 8/2019 | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy quân sự tỉnh, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 9/2019 đến tháng 8/2021 | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Quân khu 4; |
| Từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2022 | Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tham mưu, Phó Tham mưu trưởng Quân khu 4; Học viên Học viện Quốc phòng, đào tạo cao cấp chỉ huy - tham mưu cấp chiến dịch, chiến lược (9/2021 - 7/2022); |
| Từ tháng 11/2022 đến nay | Ủy viên BCH Đảng bộ Quân khu, Phó Tư lệnh Quân khu 4. |

Ký tên
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Hà

